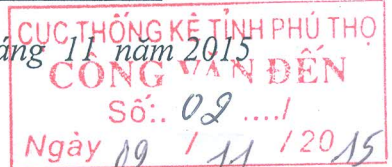


Số: 2688/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 05 tháng 11 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bản Điều lệ, công nhận Ban Chấp hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND&UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1330/TTr-SNV ngày 03/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ, công nhận Ban Chấp hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ đã được Đại hội thành lập Hội thông qua (có Bản Điều lệ, danh sách Ban Chấp hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp hội kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT;
- Sở Nội vụ;
- Đ/c Hội: Cục Thống kê tỉnh;
- Các PCVP;
- Lưu: VT, VX2.

[Handwritten mark]

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

[Handwritten signature]
Hà Kế San

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH, CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH
HỘI THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ, NHIỆM KỲ 2015 – 2020**
(Kèm theo Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 05/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

Số TT	Họ và tên	Chức vụ trong Hội	Ghi chú
1	Nguyễn Huy Lương	Chủ tịch	
2	Nguyễn Thị Liên	Phó Chủ tịch	
3	Tạ Quang Thiệu	Phó Chủ tịch	
4	Nguyễn Chí Tiêu	Phó Chủ tịch	
5	Giang Kim Bình	Ủy viên Ban Thường vụ	
6	Đỗ Anh Chiến	Ủy viên Ban Thường vụ	
7	Hoàng Minh Lê	Ủy viên Ban Thường vụ	
8	Đỗ Thị Ngọc Mai	Ủy viên Ban Thường vụ	
9	Nguyễn Hiền Minh	Ủy viên Ban Thường vụ	
10	Hà Thị Kim Oanh	Ủy viên Ban Thường vụ	
11	Trần Văn Việt	Ủy viên Ban Thường vụ	
12	Nguyễn Văn Bình	Ủy viên Ban Chấp hành	
13	Bùi Quang Đạo	Ủy viên Ban Chấp hành	
14	Phạm Nam Hải	Ủy viên Ban Chấp hành	
15	Nhâm Thị Thu Hằng	Ủy viên Ban Chấp hành	
16	Nguyễn Huy Linh	Ủy viên Ban Chấp hành	
17	Đình Khắc Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành	
18	Lê Thị Nga	Ủy viên Ban Chấp hành	
19	Nhâm Quang Ngọc	Ủy viên Ban Chấp hành	
20	Nguyễn Quyết Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành	
21	Hà Ngọc Thu	Ủy viên Ban Chấp hành	
22	Trương Quốc Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành	
23	Nguyễn Xuân Trường	Ủy viên Ban Chấp hành	
24	Đặng Quốc Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành	
25	Lê Như Vui	Ủy viên Ban Chấp hành	

ĐIỀU LỆ
HỘI THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ.
2. Tên tiếng Anh: Phu Tho Province Statistical Association.
3. Tên viết tắt: PTPSA.
4. Biểu tượng là hình chữ nhật trong đó có 2 dòng chữ sau:

PTPSA
HỘI THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi là Hội) là tổ chức xã hội tự nguyện của công dân và tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực thống kê.
2. Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ là tổ chức thành viên của Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Thọ.
3. Mục đích hoạt động của Hội nhằm tập hợp, đoàn kết các công dân, các tổ chức Việt Nam đã và đang hoạt động trong lĩnh vực Thống kê vì sự phát triển nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nghiệp vụ chuyên môn; giữ vững phẩm chất nghề nghiệp, góp phần thực hiện tốt nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê là bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời và các nguyên tắc khác có liên quan theo quy định của pháp luật; góp phần ngày càng nâng cao chất lượng thông tin thống kê, các ấn phẩm thống kê; đồng thời đóng góp công sức, trí tuệ cho sự nghiệp phát triển ngành thống kê và cho sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ, của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Phú Thọ, trong lĩnh vực thống kê.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của các cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực thống kê. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được cơ quan Nhà nước hỗ trợ, đảm bảo kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng, phát triển ngành nghề thống kê, phát triển KT - XH trên địa bàn tỉnh.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thống kê và các kiến thức, kỹ năng có liên quan cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực thống kê theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức:

a) Công dân và tổ chức Việt Nam trực tiếp làm nhiệm vụ, công tác chuyên môn, nghiệp vụ thống kê, nghiên cứu khoa học, đào tạo và quản lý về thống kê hoặc công tác có liên quan đến lĩnh vực thống kê trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị khác; tán thành điều lệ của Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội, đóng hội phí đều được công nhận là hội viên chính thức của Hội.

b) Công dân Việt Nam đang nghỉ hưu, nhưng trước đây đã từng công tác trong các cơ quan thống kê nhà nước hoặc đã từng giữ vị trí công tác có liên quan đến lĩnh vực thống kê trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị khác có đủ sức khỏe, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội, đóng hội phí đều được công nhận là hội viên chính thức của Hội

2. Hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Công dân và tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là hội viên liên kết của Hội.

b) Hội viên danh dự: Công dân và tổ chức Việt Nam có công lao đối với sự nghiệp phát triển ngành nghề thống kê nói chung và Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ nói riêng được Hội mời làm hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Chủ tịch Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này muốn trở thành hội viên chính thức hoặc hội viên liên kết của Hội thì tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu do Ban Chấp hành Hội quy định). Ban Chấp hành Hội xem xét, chấp thuận đơn gia nhập của công dân vào Hội và Chủ tịch Hội ký quyết định công nhận là hội viên mới của Hội.

2. Hội viên (cá nhân, tổ chức) muốn tự nguyện xin ra khỏi Hội phải làm đơn gửi Ban Chấp hành Hội. Quyền lợi và nghĩa vụ của hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Chấp hành thông báo chấp nhận cho ra khỏi Hội.

3. Hội viên là cá nhân bị tước quyền công dân thì đương nhiên bị xoá tên khỏi danh sách hội viên.

4. Khai trừ hội viên

a) Hội viên bị khai trừ ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

- Làm ảnh hưởng đến uy tín và lợi ích của Hội.

- Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ và các quy định của Hội.

- Không đóng hội phí 01 (một) năm.

b) Hội viên bị khai trừ khi có 2/3 số Ủy viên Ban Chấp hành tán thành. Quyết định khai trừ hội viên có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội ký.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành Hội.
3. Ban Thường vụ Hội.
4. Ban Kiểm tra Hội.
5. Văn phòng và ban chuyên môn của Hội.
6. Các chi hội.
7. Các tổ chức, pháp nhân trực thuộc Hội (việc thành lập các tổ chức, pháp nhân tuân theo quy định của pháp luật và các văn bản có liên quan).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, Tổng Thư ký; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp mỗi năm một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội là Cơ quan thường trực của Ban Chấp hành, do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp mỗi quý một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc của ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có từ 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết của Ban Thường vụ được thông qua khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, trong trường hợp các ủy viên Ban Kiểm tra bị kỷ luật hoặc chuyển công tác mà vị trí công tác không còn phù hợp, Ban Kiểm tra có quyền bầu bổ sung ủy viên Ban Kiểm tra.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, các nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Kiểm tra công tác quản lý tài chính, kế toán của Hội;

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế của Ban Kiểm tra, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội

a) Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ; trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội; phê duyệt các nội quy, quy chế của các tổ chức, pháp nhân trực thuộc Hội;

đ) Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội phải ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội thay mình chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc Chủ tịch Hội, giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Thư ký Hội

1. Thư ký Hội do Ban Chấp hành Hội bầu ra. Thư ký Hội là người giúp việc Chủ tịch Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội:

a) Phụ trách điều hành hoạt động của Văn phòng Hội; xử lý các công việc hàng ngày của Văn phòng Hội;

b) Điều hành công việc giữa Văn phòng Hội và các Văn phòng đại diện của Hội (nếu có);

c) Phụ trách công tác lập kế hoạch và báo cáo tổng kết hàng năm, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Hội và các báo cáo đối ngoại, báo cáo gửi các cơ quan quản lý cấp trên mà Hội là thành viên và các cơ quan nhà nước theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm chuẩn bị và tổ chức các cuộc họp giao ban lãnh đạo Hội, các cuộc họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành của Hội;

đ) Tham gia trực tiếp vào một số công việc cụ thể khác theo sự phân công và ủy quyền của Chủ tịch Hội.

Điều 19. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội đặt tại Cục Thống kê tỉnh.

2. Nhiệm vụ của Văn phòng Hội:

a) Điều phối các hoạt động của Hội, của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các ban chuyên môn và Văn phòng Hội; phối hợp với tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và tư vấn, dịch vụ thống kê dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội. Nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng được quy định tại quy chế hoạt động của Hội;

b) Thực hiện các hoạt động thường xuyên của Hội: Hành chính, quản trị, tài chính, tài vụ, tổ chức cán bộ, tuyên truyền, thi đua khen thưởng, ...vv.

Điều 20. Ban Chuyên môn

1. Nhân sự Ban Chuyên môn bao gồm Trưởng ban (phải là Ủy viên Ban chấp hành Hội), các Phó Trưởng ban và các nhân viên chuyên trách, kiêm nhiệm của Văn phòng Hội.

2. Ban Chuyên môn hoạt động theo quy chế và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng ban.

3. Nhiệm vụ của Ban Chuyên môn: Phân công nhân sự, phối hợp với văn phòng, pháp nhân trực thuộc Hội triển khai các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thống kê và các công việc có liên quan.

Điều 21. Chi hội

1. Chi hội được thành lập tại các huyện, thành, thị; các sở, ban, ngành trong tỉnh; các trường, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các tổ chức khác trên địa bàn tỉnh liên quan đến công tác thống kê có từ 03 hội viên chính thức trở lên. Việc thành lập chi hội do Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định.

2. Chi hội có trách nhiệm:

a) Quản lý hội viên, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chương trình công tác của Hội;

b) Tập hợp, phản ánh nguyện vọng, kiến nghị, đề nghị của hội viên với lãnh đạo Hội;

c) Chi hội có từ 10 hội viên trở lên được bầu Ban Chấp hành chi hội (gồm: Chi hội trưởng, Chi hội phó và một số ủy viên). Số lượng ủy viên Ban Chấp hành chi hội từ 03 (ba) đến 05 (năm) ủy viên. Chi hội có thể phân thành các tổ, mỗi tổ có Tổ trưởng và một Tổ phó.

Chi hội có dưới 10 hội viên chỉ bầu Chi hội trưởng và một Chi hội phó.

d) Thực hiện quy chế về tổ chức và hoạt động của chi hội được Ban Chấp hành Hội nhất trí thông qua.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khi xét thấy hoạt động của Hội không có hiệu quả, không mang lại lợi ích cho hội viên hoặc gây phiền hà, cản trở cho hội viên thì Ban Chấp hành Hội quyết định triệu tập Đại hội bất thường theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 để bàn biện pháp củng cố tổ chức hoặc giải thể Hội.

3. Khi Hội giải thể, Ban Thường trực và Ban Kiểm tra của Hội phải tiến hành kiểm kê tài sản, kiểm quỹ và báo cáo Ban Chấp hành Hội quyết định việc xử lý tài sản, tiền tồn quỹ và tiến hành thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 23. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của cơ quan, ngân sách Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao cho Hội (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội: Chi hoạt động nghiệp vụ của Hội (bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thống kê, biên soạn, phát hành sách, tài liệu chuyên môn hội nghị, hội thảo...); chi đối ngoại và hợp tác quốc tế; chi thông tin, tuyên truyền;

- Chi thuê, sửa chữa, xây dựng trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật (chi tiền công, tiền lương và phụ cấp, công tác phí, bảo hiểm, phúc lợi cho cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, lao động hợp đồng làm việc, công tác tại hội);

- Chi khen thưởng và các khoản chi hợp pháp khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội gồm:

- Tài sản do Hội tự mua sắm, xây dựng;

- Tài sản do Hội được biếu, tặng, được tài trợ, tài sản nhận viện trợ, tài sản thuê tài chính;

- Tài sản thu từ các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Nếu tài sản bị hư hỏng, không thể sửa chữa để tiếp tục sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý theo quy chế tài chính của Hội. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản đúng mục đích và hiệu quả theo quy định tại quy chế của Hội.

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội. Toàn bộ tài sản của Hội, các khoản thu, chi của Hội phải được ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời trong sổ kế toán của Hội.

2. Chênh lệch thu - chi của Hội không được chia cho hội viên và cá nhân liên quan, mà được sử dụng đầu tư vào các hoạt động phát triển Hội và phát triển nghề nghiệp.

3. Tài chính, kế toán của Hội được quản lý theo quy chế tài chính, kế toán của Hội, phù hợp với luật pháp tài chính, kế toán của Nhà nước. Năm tài chính của Hội bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

4. Báo cáo tài chính hàng năm của Hội phải được công khai trong hội nghị Ban Chấp hành, trong Đại hội nhiệm kỳ của Hội theo quy chế tài chính và các nghị quyết của Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên, cán bộ nhân viên, lao động của Hội có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng và phát triển Hội, hoặc trong nghề nghiệp thống kê được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức mà Hội là thành viên có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật theo các quy định tại quy chế thi đua, khen thưởng và kỷ luật của Hội.

2. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên, cán bộ nhân viên của Hội vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động, nghị quyết của Hội làm tổn hại đến uy tín, danh dự của Hội, hoặc vi phạm đạo đức nghề nghiệp thống kê,

thì bị kỷ luật với các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức hoặc bị khai trừ ra khỏi Hội và đăng tải trên trang tin điện tử của Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường theo quy định pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ gồm 8 Chương 28 Điều đã được Đại hội thành lập Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ (Đại hội lần I, nhiệm kỳ 2015 - 2020) thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh ký Quyết định phê duyệt.

2. Căn cứ quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.
